TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 08/5/2023
V/v Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu H Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 8/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17B/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22/3/2023 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Bà Kim Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm T, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Kim Thị H trình bày: Bà Kim Thị H chung sống với ông Lâm T vào năm 2000, có tổ cức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Từ lúc cưới nhau vợ chồng bà H sống ở bên nhà cha mẹ ruột bà H, đến năm 2017 thì vợ chồng cùng nhau đi làm công tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu bà H và ông T chung sống hạnh P, được một thời gian thì mất hạnh P vì bất đồng quan điểm sống và không hợp tính tình, nên thường phát sinh mâu thuẫn và tình cảm ngày càng phai nhạt, hai bên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống với nhau bà H và ông T có 03 người con chung: Cháu Kim P

(giới tính: nam), sinh ngày 05/02/2001; Cháu Kim H (giới tính: nam), sinh ngày 08/01/2004 và cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia. Về nợ chung: Không có.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Lâm T. Về con chung: Đối với cháu Kim P (giới tính: nam), sinh ngày 05/02/2001; Cháu Kim H (giới tính: nam), sinh ngày 08/01/2004 đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006 đang ở với ông T, đã trên 07 tuổi, tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu con sống với cha, bà H không phản đối và không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Nếu con sống với mẹ, thì bà H không yêu cầu ông T thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận mối quan hệ chung sống giữa bà H và ông T là vợ chồng. Về con chung cháu Kim P (giới tính: nam), sinh ngày 05/02/2001; Cháu Kim H (giới tính: nam), sinh ngày 08/01/2004 đã trưởng thành, nên bà H không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006 giao cho ông T nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu T, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Kim Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà H và ông Lâm T không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Kim Thị H và bị đơn ông Lâm T là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại ấp N, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Kim Thị H và bị đơn ông Lâm T thấy rằng: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng..."*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà H trình bày quá trình chung sống với nhau có 03 người con chung gồm: Cháu Kim P (giới tính: nam), sinh ngày 05/02/2001; Cháu Kim H (giới tính: nam), sinh ngày 08/01/2004 đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006 hiện nay đang do ông T nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật

Hôn nhân và Gia đình giao con chung là cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị H đối với bị đơn ông Lâm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị H và ông Lâm T.

- Về con chung: Cháu Kim P (giới tính: nam), sinh ngày 05/02/2001; Cháu Kim H (giới tính: nam), sinh ngày 08/01/2004 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối cháu Kim Thị T (giới tính: nữ), sinh năm 12/11/2006 giao cho ông Lâm T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bà Kim Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0004487 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Lâm T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng